TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2018/QĐHNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2018
V/v: "Yêu cầu xác định con cho cha mẹ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Tường Vy - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hoài Minh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về yêu cầu xác định con cho cha mẹ theo Quyết định mở phiên họp số: 22/2018/QĐPH-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:
- Anh Trần Minh T – Sinh năm: 1992 (Có mặt)
Địa chỉ: tổ 6, ấp 4, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai,
- Chị Lê Thị Nh – Sinh năm: 1992 (Có mặt)
Địa chỉ: 59/4 ấp 2, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
- Chị Lê Thị N – Sinh năm: 1990 (Có mặt)
Địa chỉ: 59/4 ấp 2, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Lê Bảo N – Sinh ngày: 19/7/2014.
Địa chỉ: 59/4 ấp 2, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Lê Thị N – Sinh năm: 1990 (Có mặt)
Địa chỉ: 59/4 ấp 2, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu xác định cháu Lê Bảo N – sinh ngày: 19/7/2014 là con của anh Trần Minh T – Sinh năm: 1992, địa chỉ: tổ 6, ấp 4, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai và chị Lê Thị Nh – Sinh năm: 1992, địa chỉ: 59/4 ấp 2, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai nhận định:

- Về quyền yêu cầu: anh Trần Minh T, chị Lê Thị Nh xác định cháu Lê Bảo N là con chung của hai người, chị Lê Thị N xác định cháu Lê Bảo N không phải là con đẻ của chị N. Căn cứ vào các Điều 89, Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình thì anh T, chị Nh, chị N là người có quyền yêu cầu Tòa án xác định con cho cha mẹ.

- Về thẩm quyền giải quyết: anh T, chị Nh, chị N có đơn yêu cầu xác định cháu Lê Bảo N là con của anh T và chị Nh. Những người yêu cầu đều có nơi cư trú thuộc huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là quan hệ pháp luật yêu cầu xác định con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Về nội dung vụ việc: anh T, chị Nh, chị N thống nhất trình bày: năm 2009, chị Nh xin đi làm công nhân nhưng do chưa đủ tuổi nên đã mượn thông tin cá nhân của chị gái là Lê Thị N để làm hồ sơ xin việc thì chị N đồng ý. Đến năm 2014, chị Nh và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L rồi sinh được cháu Lê Bảo N – Sinh ngày: 19/7/2014. Do thời điểm đăng ký kết hôn với anh T, chị Nh vẫn đi làm ở công ty với tên Lê Thị N nên để được hưởng các chế độ thai sản, chị Nh đã nhờ chị N đăng ký khai sinh cho cháu N với tên mẹ là Lê Thị N. Thời điểm khai sinh cho cháu N chị N chưa kết hôn nên mục khai tên cha trong giấy khai sinh đề nghị UBND xã X để trống. Nay cả anh T, chị Nh, chị N đều có yêu cầu xác định cháu N là con của anh T và chị Nh.

Căn cứ vào phiếu kết quả xét nghiệm ADN do Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam thực hiện mà người yêu cầu nộp và do Tòa án thu thập thể hiện: anh Trần Minh T và cháu Lê Bảo N có quan hệ huyết thống cha – con với tấn suất 99,9999912 %, chị Lê Thị Nh và cháu Lê Bảo N có quan hệ huyết thống mẹ - con với tần suất 99,9999785%. Bản thân chị Nh cũng xác định cháu Nam không phải là con của mình mà là con của anh T và chị Nh.

Ý kiến của Kiểm sát viên: qua kiểm sát hồ sơ việc hôn nhân gia đình, Viện kiểm sát nhận thấy Tòa án, Thẩm phán, thư ký và những người yêu cầu đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập thấy rằng yêu cầu của anh T, chị Nh, chị N phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN do Công ty TNHH công nghệ di truyền Việt Nam thực hiện nên có cơ sở để xác định cháu N là con của anh T và chị Nh nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 89, Điều 91, Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 35; Điều 361; Điều 363; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật hộ tịch;

- Nghị định số: 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

- Thông tư số: 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số: 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người yêu cầu:

- Xác định cháu Lê Bảo N – Sinh ngày: 19/7/2014 (giấy khai sinh số: 99/2014, ngày 29/4/2014 do UBND xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai cấp) là con của anh Trần Minh T – Sinh năm: 1992, địa chỉ: tổ 6, ấp 4, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai và chị Lê Thị Nh – Sinh năm: 1992, địa chỉ: 59/4 ấp 2, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Anh T, chị Nh có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc cải chính hộ tịch cho cháu Lê Bảo N theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình phải nộp: Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì yêu cầu thuộc trường hợp phải nộp tạm ứng lệ phí, lệ phí tòa án nhưng Tòa án có sai sót trong quá trình thụ lý đơn là không ban hành và không giao thông báo nộp tạm ứng lệ phí cho những người yêu cầu. Vì vậy, người yêu cầu có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T, chị N, chị Nh mỗi người nộp 100.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc hôn nhân gia đình có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc hôn nhân gia

đình trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Những người yêu cầu;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã X;
- Lưu án văn;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Tường Vy